

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VŨ THƯ'  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2018/HNGĐ-ST

Ngày 30/10/2018

V/v: Tranh chấp Hôn nhân - gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V , TỈNH THÁI BÌNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà :* Bà Nguyễn Thị Hải Lý

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Đức Hiền .

2. Bà Nguyễn Thị Nhiều.

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Tho - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 180/2018/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2018/QĐXX - ST ngày 26 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2018/QĐST- HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Vũ Thị T, sinh năm 1988

Nơi ĐKKHKT: Thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình

Chỗ ở hiện nay: Xóm x, xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn C , sinh năm 1981.

Nơi ĐKKHKT: Thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình.

**Người làm chứng:** Bà Bùi Thị Â, sinh năm 1959

Nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình ( mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn C)

(Chị T, bà Â có mặt; anh C vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/8/2018, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Vũ Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn C kết hôn tự nguyện, có tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 20/01/2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh C không tu chí làm ăn, sống thiếu trách nhiệm với vợ con và gia đình. Anh C còn chơi lô đề, cờ bạc dẫn đến kinh tế gia đình sa sút. Bản thân chị đã động viên và cho anh C rất nhiều cơ hội. Gia đình hai bên cũng đã can thiệp, bảo ban anh C nhưng anh C vẫn chứng nào tật nấy. Vì vậy, chị đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ để sinh sống tại xóm x, xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa từ ngày 10/10/2014 đến nay. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm gì nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về quan hệ con chung: Chị và anh Nguyễn Văn C có 02 con chung. Con lớn tên là Nguyễn Văn T, sinh ngày 06/10/2007. Con nhỏ là Nguyễn Chiêu D, sinh ngày 16/12/2012. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Hiện nay, chị làm công nhân may, thu nhập khoảng 5-6 triệu đồng/tháng. Chị có đủ điều kiện kinh tế để nuôi các con. Bố mẹ chị hiện đều còn khỏe mạnh và cũng phụ giúp chị chăm sóc và nuôi dưỡng hai cháu.

Về quan hệ tài sản: Vợ chồng chị không có tài sản gì chung; không vay nợ gì ai hay bất cứ cơ quan, tổ chức xã hội nào khác và không cho ai vay nợ gì. Ruộng cấy không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Nguyễn Văn C nhiều lần nhưng anh C không có mặt tại tòa án để nộp bản tự khai và trình bày quan điểm của mình đối với yêu cầu của chị T. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, anh C cũng vắng mặt không lý do. Vì vậy anh C không thể hiện quan điểm của mình trong vụ án.

- Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng là chị Vũ Thị H, sinh năm 1980. Địa chỉ: Xóm x, xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa (*là chị gái chị T*) thể hiện:

Về thời gian, điều kiện kết hôn, thời điểm và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh C đúng như chị T trình bày. Nay chị T làm đơn xin ly hôn anh C, đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị T vì anh chị cũng không có khả năng đoàn tụ. Về quan hệ con chung: Chị đề nghị Tòa án giao cả hai con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc vì hiện tại cả hai cháu đều đang ở với chị T và gia đình chị. Việc học tập của các cháu hiện đang ổn định và anh C gần 02 năm nay không quan tâm gì đến các cháu.

Về quan hệ tài sản: Chị H cũng trình bày như lời trình bày của chị T.

- Tại Biên bản lấy lời khai của người làm chứng và tại phiên tòa, bà Bùi Thị Á (là mẹ đẻ của anh C) trình bày:

Về thời gian, điều kiện kết hôn giữa chị T và anh C đúng như chị T đã trình bày. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với nhau tại gia đình bà ở thôn H, xã T. Quá trình chung sống, giữa anh C và chị T xảy ra mâu thuẫn do anh C không tu chí làm ăn, kinh tế khó khăn. Anh C cũng đã có ý thức thay đổi bản thân nhưng chị T lại không thông cảm cho anh C nên mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng trầm trọng. Từ cuối năm 2014 chị T đã về nhà mẹ đẻ ở T. Anh C đã tìm gọi chị T về nhiều lần, bà đã động viên chị T để vợ chồng bỏ qua cho nhau nhưng chị T vẫn không quay về. Nay chị T xin ly hôn anh C, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về quan hệ con chung: Bà đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của chị T để giải quyết.

Về quan hệ tài sản: Bà Á cũng trình bày như lời trình bày của chị T.

Về việc thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh C, bà Á khẳng định: Anh C hiện đi làm ăn xa nhà nên không về Tòa án làm việc được. Các văn bản tố tụng mà Tòa án giao cho anh C, bà đã nhận đầy đủ và thông báo ngay cho anh Ch sau mỗi lần nhận được văn bản của Tòa án. Anh C cũng đã biết việc Tòa án nhân dân huyện V thụ lý giải quyết vụ án hôn nhân gia đình giữa anh và chị T và anh C cũng có trao đổi lại với bà là sau này, khi anh C trở về, anh sẽ cùng chị T thỏa thuận lại về vấn đề con chung giữa hai anh chị sau.

- Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, đại diện UBND xã T cung cấp như sau: Về thời gian, điều kiện kết hôn, thời điểm phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T và anh C đúng như anh chị đã trình bày. Quá trình chung sống, do anh C còn mãi chơi, không tu chí làm ăn dẫn đến kinh tế gia đình sa sút nên vợ chồng từ đó sinh ra mâu thuẫn. Từ cuối năm 2014 đến nay chị T đã về nhà mẹ đẻ ở, không còn sinh sống tại địa phương. Nay chị T xin ly hôn anh C, địa phương cũng xét thấy anh chị khó có khả năng đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị T vì anh chị đã ly thân nhau khá lâu. Về con chung: Anh chị có 02 con chung như chị T đã trình bày. Ly hôn, đề nghị Tòa án xem xét giao con theo quy định của pháp luật. Về tài sản: Địa phương cũng cung cấp như lời trình bày của T.

**\* Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện V phát biểu quan điểm:**

- Về tố tụng: Thẩm phán và HĐXX, các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58; Điều Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị :

+ Quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Vũ Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

+ Quan hệ con chung: Xử giao 02 con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 06/10/2007 và Nguyễn Chiêu D, sinh ngày 16/12/2012 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận việc chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

+ Quan hệ tài sản: Tách ra giải quyết sau khi có yêu cầu.

+ Án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

**Về thủ tục tố tụng:** Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

### **Về nội dung:**

**[1] Quan hệ hôn nhân:** Chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Văn C kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh T vào ngày 20/02/2007 là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp. Quá trình chung sống do anh C còn mãi chơi, không tu chí làm ăn nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Anh chị không thông cảm, bỏ qua cho nhau và cũng không có biện pháp phù hợp để cải thiện tình cảm vợ chồng nên mâu thuẫn ngày càng trở nên căng thẳng. Chị T đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ cuối năm 2014 đến nay và anh chị sống ly thân từ thời điểm đó.

Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, anh C đã được triệu tập nhiều lần nhưng anh C không đến Tòa án làm việc, cũng không thể hiện quan điểm của anh C đối với yêu cầu của chị Vũ Thị T. Điều này chứng tỏ anh C không thực sự mong muốn vợ chồng được đoàn tụ.

Qua xác minh tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình và lấy lời khai của đại diện gia đình chị T, anh C cũng thể hiện: Chị T và anh C đã xảy ra nhiều mâu thuẫn và anh chị sống ly thân nhau khá lâu.

Xét thực trạng quan hệ vợ chồng của chị T và anh C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định xử cho chị Vũ Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

**[2]Quan hệ con chung:** Chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Văn C có 02 con chung. Ly hôn, chị T có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng; Quá trình giải quyết vụ án, anh C không đến tòa án nên không thể hiện quan điểm về vấn đề con chung.

Xét điều kiện hiện tại của chị T thì thấy: Chị T có công việc và có thu nhập. Công việc của chị lại làm gần nhà, các con chị cũng học tập tại trường học ở gần nên chị có điều kiện chăm lo cho các con hơn. Anh C đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về nhà nên không có điều kiện về thời gian để chăm cho các con. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các con chung, cần căn cứ vào điều 81, 82, 83, 84 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần giao cả hai con chung cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp và chấp nhận việc chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Anh C có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi có yêu cầu.

**[3]Quan hệ tài sản:** Do không có lời trình bày của anh C nên cần tách ra giải quyết sau khi có yêu cầu.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị phải chịu 300.000 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 ; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án:

**1. Quan hệ hôn nhân:** Xử cho chị Vũ Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

**2. Quan hệ con chung:** Xử giao cả hai con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 06/10/2007 và Nguyễn Chiều D, sinh ngày 16/12/2012 cho chị Vũ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh C cấp

dưỡng nuôi con hàng tháng. Anh C có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi có yêu cầu.

**3. Quan hệ tài sản:** Tách ra giải quyết sau khi có yêu cầu.

**4. Án phí:** Chị Vũ Thị T phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000đồng chị T đã nộp tại biên lai số 0003059 ngày 16/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V thành tiền án phí.

Án tuyên công khai sơ thẩm có mặt chị T. Báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ tuyên án 30/10/2018.

Vắng mặt anh Nguyễn Văn C báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận :**

- V.K.S.N.D huyện V;
- Chi cục T.H.A Dân sự huyện V;
- Các đương sự;
- UBND xã T; huyện V, tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ; Lưu HCTP

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)